

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B  
TỈNH LÀO CAI**

Bản án số:01/2018/DS- ST

Ngày 02-11-2018

V/v: “Tranh chấp kiện đòi lại  
tài sản là quyền sử dụng đất”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B, TỈNH LÀO CAI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Quốc Hưng.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

- Ông Nguyễn Tài Nghệ.

- Bà Dương Thị Lan Anh.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Phan Thị Bích Ngọc - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Lào Cai.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B tham gia phiên tòa:** Bà Trần Thị Kim Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 11 năm 2018. Tòa án nhân dân huyện B xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số:04/2018/TLST-DS ngày 06 tháng 6 năm 2018 về “Tranh chấp kiện đòi lại tài sản là quyền sử dụng đất” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2018/QĐXX-ST ngày 22 tháng 10 năm 2018 giữa các đương sự:

**1.Nguyên đơn:** ông Vàng Văn C - Sinh năm 1972 và bà Tráng Thị Nh - Sinh năm 1973.

Cùng địa chỉ: Thôn N, xã C, huyện B, tỉnh Lào Cai.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Vàng Văn C và bà Tráng Thị Nh: Anh Vàng Văn Th - Sinh năm 1996.

Địa chỉ: Thôn N, xã C, huyện B, tỉnh Lào Cai. Có mặt tại phiên tòa.

**2.Bị đơn:** ông Vàng Văn Kh (tên gọi khác Vàng Văn T - Sinh năm 1969 và bà Vàng Thị Ch - Sinh năm 1969.

Cùng địa chỉ: Thôn N, xã C, huyện B, tỉnh Lào Cai.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Vàng Văn Kh: Bà Vàng Thị Ch - Sinh năm 1969.

Địa chỉ: Thôn N, xã C, huyện B, tỉnh Lào Cai. Có mặt tại phiên tòa.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

- Theo Đơn khởi kiện của ông Vàng Văn C, bà Tráng Thị Nh và các bản tự khai, Biên bản lấy lời khai của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn cùng toàn bộ các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thì:

Năm 1998 gia đình ông Vàng Văn C và bà Tráng Thị Nh có nhận chuyển nhượng đất của gia đình ông Vàng Văn Kh (anh trai ruột của ông C) với giá 3.000.000 đồng. Năm 1999 gia đình ông C và bà Nh đã kê khai và được Ủy ban nhân dân huyện B cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất từ thửa số 26 đến 42, tại tờ bản đồ số 07, diện tích là 2235 m<sup>2</sup>, mục đích trồng lúa, thời hạn sử dụng đến tháng 12 năm 2019. Thửa đất nằm trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00571/QĐDD/232/QĐUB-H-1999 do Ủy ban nhân dân huyện B cấp ngày 25/12/1999 với tổng diện tích của Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 15.485 m<sup>2</sup>. Địa chỉ trước đây thuộc thôn N, xã C, huyện B, tỉnh Lào Cai nay được tách thành thôn N, xã C, huyện B, tỉnh Lào Cai. Gia đình ông C và bà Nh sử dụng ổn định và không có tranh chấp với hộ gia đình nào.

Năm 2007 ông Vàng Văn Kh và bà Vàng Thị Ch là anh trai ruột và chị dâu của ông C đã gặp ông C và bà Nh và đề nghị chuộc lại quyền sử dụng đất của thửa đất mà ông Kh và bà Ch đã chuyển nhượng cho gia đình ông C và bà Nh với giá 12.000.000 đồng, nhưng gia đình ông C và bà Nh không nhất trí, ông Kh và bà Ch đã để lại nhà ông C và bà Nh số tiền 8.000.000 đồng, gia đình ông C, bà Nh nhiều lần trả lại tiền cho ông Kh, nhưng ông Kh không nhận tiền, đe dọa “Cho chuộc hay không thì tao vẫn cứ làm”, vì là anh em ruột nên ông C và bà Nh không làm được gì mà để cho gia đình ông Kh canh tác trên mảnh đất đó từ năm 2007 cho đến năm 2016. Đến năm 2017 thì ông Kh và bà Ch di chuyển ở thôn khác và ở tại Lều nương và cho con trai là Vàng Văn Ch và con dâu là Tráng Thị Đ canh tác trên diện tích đất của gia đình ông C và bà Nh.

Gia đình ông Vàng Văn C và bà Tráng Thị Nh đã làm Đơn đề nghị tổ hòa giải và Ủy ban nhân dân xã C đưa vụ việc ra hòa giải 02 lần nhưng không thành, gia đình ông Kh vẫn không nhất trí trả lại đất cho gia đình ông C, bà Nh. Nay gia đình ông Vàng Văn C, bà Tráng Thị Nh yêu cầu gia đình ông Vàng Văn Kh, bà Vàng Thị Ch trả lại toàn bộ diện tích đất trên cho gia đình ông diện tích đất từ thửa số 26 đến thửa số 42 tại tờ bản đồ số 07 diện tích là 2235 đất trồng lúa. Thửa đất đã được cấp quyền sử dụng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00571/QSĐĐ/232/QĐUB –H-1999 do Ủy ban nhân dân huyện B, tỉnh Lào Cai cấp ngày 25 tháng 12 năm 1999 mang tên hộ ông Vàng Văn C và đồng ý trả lại số tiền 12.000.000đ (mười hai triệu đồng) cho gia đình ông Kh, bà Ch và không đồng ý trả số tiền 120.000.000 đồng cho ông Kh, bà Ch.

- Bà Vàng Thị Ch là bị đơn đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của ông Vàng Văn Khtên gọi khác Vàng Văn T trình bày:

Về nguồn gốc thửa đất đang tranh chấp: Do bố mẹ đẻ ông Vàng Văn Kh cho vợ chồng bà sử dụng từ năm 1993, bà không biết rõ diện tích cụ thể là bao nhiêu, chỉ biết là trồng được 8 kg thóc giống. Đến năm 1998 do gia đình ông bà chuyển về thôn C, xã C để làm ăn và sinh sống nên vợ chồng ông bà có bán lại cho gia

đình ông Vàng Văn C và bà Tráng Thị Nh thừa đất trên với giá 3.000.000đ (ba triệu đồng) và nói sau này các con của gia đình lớn thì gia đình sẽ chuộc lại cho các cháu sử dụng, ông Vàng Văn C và bà Tráng Thị Nh cũng đồng ý. Khi chuyển nhượng đất hai bên không làm giấy tờ gì.

Đến năm 2007, do nhà nước thu hồi đất để làm Thủy điện, do không có đất canh tác nên vợ chồng tôi đã đến gặp ông Vàng Văn C và bà Tráng Thị Nh để chuộc lại thửa đất trên, ông C và bà Nh đồng ý, vợ chồng tôi đã thanh toán cho ông C và bà Nh số tiền 12.000.000đ (mười hai triệu đồng), vì là anh em trong gia đình nên khi chuyển nhượng giữa hai bên gia đình không làm giấy tờ gì mà chỉ nói với nhau bằng miệng.

Gia đình tôi đã canh tác thửa đất trên ổn định từ năm 2007 đến năm 2016, trong suốt quá trình gia đình tôi sử dụng đất, gia đình ông C không có ý kiến gì. Đến năm 2017 vợ chồng tôi đã cho con trai và con dâu tôi là Vàng Văn Ch và Tráng Thị Đ canh tác.

Cũng trong năm 2017, hai bên gia đình có mâu thuẫn nên ông C, bà Nh đã làm đơn đến UBND xã C đề nghị gia đình tôi phải trả lại diện tích đất trên, UBND xã C đã báo hai bên đến hòa giải nhưng gia đình tôi không nhất trí trả lại diện tích đất cho nhà ông C, vì vợ chồng tôi đã chuộc lại phần đất đã bán cho ông C, bà Nh và sử dụng ổn định từ năm 2007 đến nay.

Tôi đề nghị Tòa án giải quyết cho gia đình tôi tiếp tục được sử dụng diện tích đất trên, nếu gia đình ông C vẫn cương quyết đòi lại phần đất mà gia đình tôi đã chuộc thì tôi đề nghị Tòa án giải quyết buộc gia đình ông Vàng Văn C và bà Tráng Thị Nh phải trả cho gia đình tôi số tiền 120.000.000đ (một trăm hai mươi triệu đồng) để gia đình tôi mua đất nơi khác để canh tác.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành các trình tự theo qui định của Bộ luật tố tụng dân sự, ra Quyết định mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Tại buổi hoà giải các đương sự không thoả thuận được với nhau về giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa ngày hôm nay, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng qui định của Bộ luật tố tụng dân sự; Các đương sự thực hiện đúng qui định theo Điều 70; 71; 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

-Về quan điểm giải quyết vụ án: Áp dụng khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Áp dụng Điều 166 Bộ luật dân sự; khoản 1 Điều 136 Luật đất đai năm 2003. Đề nghị Hội đồng xét xử buộc gia đình ông Vàng Văn Kh và bà Vàng Thị Ch phải tháo

dỡ 02 ngôi nhà và trả lại toàn bộ diện tích đất từ thửa 26 đến thửa số 42 tờ bản đồ SA-07 cho gia đình ông Vàng Văn C và bà Tráng Thị Nh. Buộc gia đình ông C bà Nh trả lại cho gia đình ông Kh bà Ch số tiền 12.000.000 đồng; Bác yêu cầu của ông Vàng Văn Kh bà Vàng Thị Ch về yêu cầu ông Vàng Văn C bà Tráng Thị Nh phải trả số tiền 120.000.000 đồng. Các đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về pháp luật tố tụng: ông Vàng Văn C, bà Tráng Thị Nh có Đơn khởi kiện về việc Đòi lại tài sản là quyền sử dụng đất đối với ông Vàng Văn Khtên gọi khác Vàng Văn T và bà Vàng Thị Ch. ông Vàng Văn C, bà Tráng Thị Nh và ông Vàng Văn Kh tên gọi khác Vàng Văn T và bà Vàng Thị Ch có hộ khẩu và địa chỉ thường trú tại xã C, huyện B, tỉnh Lào Cai. Theo qui định tại khoản 2 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Lào Cai.

[2]. Về việc Đòi lại tài sản là quyền sử dụng đất: Ngày 25 tháng 12 năm 1999 vợ chồng ông Vàng Văn C, bà Tráng Thị Nh được Ủy ban nhân dân huyện B, tỉnh Lào Cai cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00571/QSDD232/QĐUB-H-1999 với tổng diện tích là 15.485m<sup>2</sup> tại thôn Nậm Giá nay là thôn N, xã C, huyện B, tỉnh Lào Cai. Gồm các thửa: Thửa số 3-230 tờ bản đồ SA-02 diện tích 4000m<sup>2</sup> nương rẫy; Thửa số 3-231 tờ bản đồ SA-02 diện tích 400m<sup>2</sup> thổ cư; Thửa số 3-232 tờ bản đồ SA-02 diện tích 4000m<sup>2</sup> nương rẫy; Thửa số 3-233 tờ bản đồ SA-02 diện tích 1000m<sup>2</sup> nương rẫy; Thửa số 1-249 tờ bản đồ SA-02 diện tích 800m<sup>2</sup> trồng lúa; Thửa số 209 đến 215 tờ bản đồ SA-05 diện tích 310m<sup>2</sup> trồng lúa; Thửa số 12 đến 25 tờ bản đồ SA-07 diện tích 1185m<sup>2</sup> trồng lúa; Thửa số 26 đến 42 tờ bản đồ SA-07 diện tích 2235m<sup>2</sup> trồng lúa; Thửa số 291 đến 300 tờ bản đồ SA-07 diện tích 1555m<sup>2</sup> trồng lúa.

Vợ chồng ông Vàng Văn C, bà Tráng Thị Nh sử dụng ổn định, không có tranh chấp gì. Năm 2007, ông Vàng Văn Kh tên gọi khác Vàng Văn T và bà Vàng Thị Ch là anh trai ruột và chị dâu của ông C, bà Nh có đến hỏi để xin chuộc (chuyển nhượng) lại phần diện tích đất mà trước đây đã bán cho gia đình ông C với số tiền chuộc là 12.000.000 đồng với diện tích là 2235m<sup>2</sup> thuộc thửa số 26 đến 42 tờ bản đồ SA-07 đất trồng lúa. Tuy nhiên, vợ chồng ông Vàng Văn C, bà Tráng Thị Nh không đồng ý cho chuộc (chuyển nhượng) lại đất mà chỉ đồng ý cho mượn để canh tác. Trong quá trình trao đổi giữa hai bên do có mối quan hệ là anh em ruột trong gia đình nên khi trao đổi không có người làm chứng, chỉ có 02 bên gia đình nói chuyện, không làm thủ tục giấy tờ cho chuộc (chuyển nhượng) hay cho mượn đất để canh tác. Đối với số tiền 12.000.000 đồng, trong quá trình hỏi chuộc lại thửa đất đã bán trước đây, vợ chồng ông Vàng Văn Kh tên gọi khác Vàng Văn T và bà Vàng Thị Ch đã để lại nhà của vợ chồng ông C, bà Nh. Sau đó nhiều lần ông C, bà Nh đến trả lại nhưng ông Kh, bà Ch không nhận lại mà còn cho rằng “Cho chuộc hay không thì vẫn cứ làm”. Đối với diện tích đất 2235m<sup>2</sup>,

sau khi trao đổi thì gia đình Kh, bà Ch đã canh tác từ năm 2007 đến năm 2016, năm 2017 ông Kh, bà Ch có cho con trai là anh Vàng Văn Ch và con dâu là Tráng Thị Đ canh tác trên diện tích đất đã mượn của ông C, bà Nh. Do có sẵn mâu thuẫn từ trước và không đồng tình với việc ông Kh, bà Ch cho con trai canh tác trên diện tích đất đã mượn và do nhu cầu của gia đình cần đất để cho con canh tác nên ông C, bà Nh đã yêu cầu ông Kh, bà Ch trả lại toàn bộ diện tích đất đã mượn thuộc quyền sử dụng của gia đình mình nhưng ông Kh, bà Ch không trả với lý do đã chuộc lại. Cũng trong năm 2017 ông C, bà Nh đã làm đơn đề nghị Ủy ban nhân dân xã C, huyện B giải quyết buộc ông Kh, bà Ch phải trả lại toàn bộ diện tích đất từ thửa số 26 đến thửa số 42 thuộc tờ bản đồ số SA-07 diện tích 2235m<sup>2</sup> đất trồng lúa. Do không thống nhất và không hòa giải được nên ông Vàng Văn C, bà Tráng Thị Nh đã làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết vụ việc. Tài liệu chứng cứ nguyên đơn cung cấp cho Tòa án chứng minh khẳng định quyền sử dụng hợp pháp đối với diện tích đất đang tranh chấp là Giấy chứng nhận quyền sử dụng số 00571/QSDĐ232/QĐUB-H-1999 do Ủy ban nhân dân huyện B, tỉnh Lào Cai cấp ngày 25 tháng 12 năm 1999.

[3]. Quá trình điều tra, thu thập chứng cứ cũng như tại phiên tòa hôm nay, bà Vàng Thị Ch là bị đơn đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của ông Vàng Văn Kh tên gọi khác Vàng Văn T vẫn giữ nguyên ý kiến không nhất trí trả lại diện tích đất từ thửa số 26 đến thửa số 42 thuộc tờ bản đồ số SA-07 diện tích 2235m<sup>2</sup> đất trồng lúa cho vợ chồng ông C, bà Nh với lý do diện tích đất này có nguồn gốc là của bố mẹ ông Kh chia cho các con, năm 1998 ông bà không có nhu cầu sử dụng vì chuyển đi địa bàn thôn khác để canh tác và sinh sống ở nơi ở mới nên đã bán cho ông C, bà Nh với giá 3.000.000 đồng và không làm thủ tục giấy tờ mà thỏa thuận khi nào con lớn thì xin chuộc lại. Năm 2007 do nhà nước thu hồi đất để làm Thủy điện nên gia đình bà đã đến gia đình ông C, bà Nh xin chuộc (Chuyển nhượng) lại toàn bộ diện tích đất mà trước kia đã bán cho ông C, bà Nh với số tiền là 12.000.000 đồng, quá trình chuộc (chuyển nhượng) không viết giấy tờ và cũng không làm thủ tục qua cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Hiện nay, ông bà không nhất trí trả lại diện tích đất cho ông C, bà Nh theo yêu cầu. Nếu ông C, bà Nh cương quyết đòi thì bà yêu cầu ông C, bà Nh phải trả cho gia đình bà số tiền 120.000.000 đồng để gia đình bà đi mua đất nơi khác để canh tác. Bị đơn không cung cấp được bất kỳ tài liệu, chứng cứ nào chứng minh cho quyền sử dụng hợp pháp đối với diện tích đất đang tranh chấp.

Hội đồng xét xử thấy rằng, gia đình ông Vàng Văn Kh tên gọi khác Vàng Văn T, bà Vàng Thị Ch cho rằng ông bà đã chuộc (Chuyển nhượng) lại toàn bộ diện tích đất trước kia đã bán cho gia đình ông C, bà Nh để canh tác là không có căn cứ bởi lẽ: Theo qui định tại Điều 503 Bộ luật dân sự thì việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất phải được đăng ký tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo qui định của Luật đất đai và có hiệu lực kể từ ngày đăng ký. Tuy nhiên, ông Vàng Văn K tên gọi khác Vàng Văn T, bà Vàng Thị Ch đều thừa nhận khi đến trao đổi và đưa tiền cho gia đình ông C, bà Nh nhằm chuộc (chuyển nhượng) lại quyền sử dụng diện tích đất trước kia đã bán từ thửa số 26 đến thửa số 42 thuộc tờ bản đồ

số SA-07 diện tích 2235m<sup>2</sup> đất trồng lúa giữa hai bên gia đình chỉ là thỏa thuận miệng với nhau, không làm giấy tờ chuyển nhượng, không làm thủ tục đăng ký tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền, do vậy không có căn cứ pháp luật để chấp nhận việc chuyển nhượng trên.

Ngoài ra, căn cứ vào các tài liệu khác có trong hồ sơ, lời khai của những người làm chứng, Biên bản xác minh tại địa phương xã C thấy rằng: Từ năm 2007 họ chỉ biết có gia đình ông Kh, bà Ch canh tác trên diện tích đất trước kia đã bán cho ông C, bà Nh chứ họ không biết có sự chuyển nhượng lại hay không vì giữa các bên đều là anh em ruột trong gia đình. Qua xác minh, tại thời điểm năm 2007 tại thôn N, xã C không có bất kỳ việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa các hộ gia đình, có chăng chỉ là trao đổi đất lấy Trâu, bò.... Nên không thể xác định được mức giá tại thời điểm hai bên gia đình trao đổi. Cũng qua xác minh, diện tích đất đang tranh chấp thuộc diện không phải nộp tiền sử dụng đất nên không chứng minh được người nộp tiền sử dụng.

Đối với anh Vàng Văn Ch và chị Tráng Thị Đ, khi thụ lý vụ án và theo yêu cầu của người khởi kiện, Tòa án nhân dân huyện B xác định là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án. Tuy nhiên, quá trình lấy lời khai và xác minh tại địa phương, anh Ch và chị Đ về chung sống với nhau như vợ chồng, không đăng ký kết hôn, khi được ông Kh, bà Ch cho canh tác được 1 năm và do 2 bên gia đình có tranh chấp đất nên sau khi trồng được 01 vụ anh chị đã thu hoạch hết, đến thời điểm Tòa án thụ lý vụ án thì anh Ch và chị Đ không có hoa màu và không còn canh tác trên diện tích đang tranh chấp, anh chị không có yêu cầu gì với diện tích đất mà bố mẹ anh cho mượn và từ chối tham gia tố tụng vào quá trình giải quyết vụ án.

Từ những căn cứ nêu trên, Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của vợ chồng ông Vàng Văn C, bà Tráng Thị Nh là có căn cứ pháp luật.

Đối với yêu cầu phản tố của ông Vàng Văn Kh tên gọi khác Vàng Văn T, bà Vàng Thị Ch về việc yêu cầu gia đình ông Vàng Văn C, bà Tráng Thị Nh phải trả số tiền 120.000.000 đồng. Hội đồng xét xử thấy rằng: Việc yêu cầu trên là không có căn cứ chấp nhận, các bên không có sự thỏa thuận về việc hoàn trả. Do vậy bác yêu cầu phản tố của ông Vàng Văn Kh tên gọi khác Vàng Văn T, bà Vàng Thị Ch về việc yêu cầu gia đình ông Vàng Văn C, bà Tráng Thị Nh phải trả số tiền 120.000.000 đồng (một trăm hai mươi triệu đồng).

[4]. Về án phí: Đương sự phải chịu tiền án phí theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[5]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo qui định của pháp luật.

[6]. Đối với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Lào Cai tại phiên toà: Quan điểm và đề nghị của Kiểm sát viên có căn cứ, đúng pháp luật và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

*Vì các lẽ trên;*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

- Áp dụng khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Áp dụng Điều 166 Bộ luật dân sự; khoản 1 Điều 136 Luật đất đai năm 2003.

1. Xử buộc ông Vàng Văn Kh tên gọi khác Vàng Văn T và bà Vàng Thị Ch phải dỡ bỏ 02 căn nhà Gỗ lợp pro xi măng và trả lại diện tích đất 2235m<sup>2</sup> từ thửa số 26 đến thửa số 42 tờ bản đồ SA-07, mục đích sử dụng trồng lúa tại Thôn N, xã C, huyện B, tỉnh Lào Cai đã được Ủy ban nhân dân huyện B, tỉnh Lào Cai cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00571/QSDD232/QĐUB-H-1999 ngày 25 tháng 12 năm 1999 cho hộ ông Vàng Văn C và bà Tráng Thị Nh có các cạnh tiếp giáp như sau:

- Phía Đông giáp đất gia đình ông Vàng Văn Ch.

- Phía Tây giáp đất gia đình ông Vàng Văn C.

- Phía Nam giáp đường đi.

- Phía Bắc giáp đường đi.

(Có sơ đồ đất kèm theo)

- Ông Vàng Văn C và bà Tráng Thị Nh phải trả lại cho ông Vàng Văn Kh tên gọi khác Vàng Văn T và bà Vàng Thị Ch số tiền 12.000.000 đồng (Mười hai triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu, nếu người phải thi hành án chưa thi hành xong khoản trên thì hàng tháng còn phải chịu thêm khoản tiền lãi theo của số tiền chậm thi hành án tương ứng với thời gian chậm thi hành án theo qui định tại Điều 357 Bộ luật dân sự.

- Bác yêu cầu của ông Vàng Văn Kh tên gọi khác Vàng Văn T và bà Vàng Thị Ch về việc yêu cầu ông Vàng Văn C và bà Tráng Thị Nh phải trả số tiền 120.000.000 đồng (Một trăm hai mươi triệu đồng).

2. Về án phí: Ông Vàng Văn C và bà Tráng Thị Nh không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho ông C và bà Nh tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0002217 ngày 06 tháng 6 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Lào Cai.

Ông Vàng Văn Kh tên gọi khác Vàng Văn T và bà Vàng Thị Ch phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm và 6.000.000đ (sáu triệu đồng) tiền án phí có giá ngạch. Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.000.000đ (ba triệu đồng) theo biên lai số 0002234 ngày 31 tháng 7 năm 2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện B. Cụ thể Ông Vàng Văn Kh tên gọi khác Vàng Văn T còn phải nộp 1.650.000đ (một triệu sáu trăm năm mươi

ngàn đồng); bà Vàng Thị Ch còn phải nộp 1.650.000đ (một triệu sáu trăm năm mươi ngàn đồng).

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- Các đương sự (2);
- TAND tỉnh;
- VKSND huyện (2);
- CCTHADS huyện;
- Lưu HS-THS (3).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Quốc Hưng**